

TÁI CẤU TRÚC MÔ HÌNH ĐẠI HỌC ĐỊA PHƯƠNG CỦA VIỆT NAM

TS. Đặng Văn Định
Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam

Abstract

The Provincial university model emerged in Vietnam in 1997. However, as this article argues, what the model was initially envisioned by policymakers differs markedly from what it has unfolded in reality. Through this analysis, I develop some concrete policy recommendations to restructure the provincial university model.

Keywords: provincial, community, university, restructure, labor market

1. Đặt vấn đề

Ở Việt Nam, mô hình đại học địa phương xuất hiện từ năm 1997. Nó trực thuộc uỷ ban nhân dân cấp tỉnh. Hiện nay có 26 trường. Thời gian trôi đi, đã có nhiều đổi thay về cơ chế chính sách đối với giáo dục đại học và không phải tất cả đều mang lại giá trị tích cực. Hầu hết các trường đại học địa phương đã trụ vững, có trường đã sáp nhập vào đại học quốc gia, một số trường đang nỗ lực làm điều tương tự. Bài viết này hồi cứu sứ mệnh ban đầu và tìm hiểu tác động chính sách đối với mô hình đại học địa phương để từ đó gợi mở giải pháp tái cấu trúc mô hình này.

2. Sứ mệnh ban đầu của mô hình trường đại học địa phương

Bước vào đổi mới giáo dục đại học (từ 1987), mạng lưới các trường đại học Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng vào: (i) xây dựng các đại học đa lĩnh vực (quốc gia và khu vực), củng cố các đại học chuyên ngành đang có; (ii) nghiên cứu cải tạo các cơ sở cao đẳng, đại học và chuyên nghiệp của địa phương thành các đại học cộng đồng.

Cuối năm 1996, Bộ Giáo dục và Đào tạo trình Thủ tướng Chính phủ xin chủ trương xây dựng hệ thống Đại học cộng đồng [1]. Theo đó, “*đại học cộng đồng là một loại hình trường đa cấp, đa lĩnh vực của địa phương, rất năng động với các chương trình đào tạo phong phú kéo dài từ một vài tuần lễ cho tới hai ba năm để đáp ứng kịp thời nhu cầu học tập khác nhau của cộng đồng, đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của thị trường lao động tại địa phương; chi phí hoạt động thường xuyên của đại học cộng đồng chủ yếu dựa vào các nguồn lực được huy động từ cộng đồng địa phương, mặc dù trong giai đoạn đầu có thể phải kết hợp với một phần ngân sách nhà nước và viện trợ quốc tế*”. Đề xuất này có nhiều nét tương đồng với mô hình đại học cộng đồng (community college) của Hoa Kỳ.¹

¹. Dựa vào số liệu thống kê gần đây [NCES, 2018], giáo dục đại học Hoa Kỳ được cung cấp bởi 4.360 trường, bao gồm 2.832 trường đại học (thường được gọi là đại học 4 năm, có cấp bằng bachelor - cử nhân trở lên) và 1.528 trường cao đẳng. Các trường cao đẳng, phần lớn là cao đẳng cộng đồng (community college). Đó là các trường gắn với địa phương, nhận tài trợ của tiểu bang và đào tạo phục vụ nhu cầu phát triển nhân lực cho địa

Đầu năm 1997, Thủ tướng Võ Văn Kiệt cùng Phó Thủ tướng Nguyễn Khánh đã chỉ đạo: “Đại học-Cao đẳng cộng đồng là mô hình trường gắn với địa phương. Cần có đề án phát triển hệ thống đại học-cao đẳng cộng đồng gắn với mạng lưới trường đại học-cao đẳng của cả nước. Làm rõ ở những địa phương nào cần thành lập đại học-cao đẳng cộng đồng, những điều kiện tối thiểu về tổ chức và hoạt động, cơ chế quản lý đối với các cơ sở này” [2]. Triển khai chỉ đạo của Thủ tướng, Bộ giáo dục và Đào tạo xây dựng hai mô hình. Thứ nhất là cao đẳng cộng đồng; Thứ hai là đại học cộng đồng (thường gọi là đại học địa phương). Dự án xây dựng thí điểm 6 trường đại học cộng đồng được triển khai. Nó là nền tảng cho việc ra đời các trường đại học địa phương. Trong số đó, trường ra đời sớm nhất là Trường Đại học Hồng Đức năm 1997, trường gần đây nhất là Trường Đại học Khánh Hoà năm 2015.

3. Tác động chính sách đối với mô hình đại học địa phương

Tìm hiểu kết quả hoạt động của các trường đại học địa phương cho thấy, mặc dù được thành lập để phục vụ mục tiêu kinh tế-xã hội của địa phương là chủ yếu, nhưng do thay đổi cơ chế chính sách và tác động của môi trường, khiến hoạt động của chúng không như chủ đích ban đầu [3]. Góc nhìn khái quát về chuyển động cơ chế chính sách có thể thấy ở Bảng 1.

Bảng 1. Đối sánh chủ trương ban đầu với thực tiễn

Tiêu chí	Chủ trương ban đầu	Thực trạng hiện nay
<i>Sứ mệnh/ Nhiệm vụ</i>	Là trung tâm văn hoá khoa học của địa phương; đáp ứng linh hoạt các nhu cầu luôn thay đổi của thị trường lao động tại địa phương	Là trung tâm văn hoá khoa học của địa phương; đáp ứng một phần nhu cầu nhân lực trình độ đại học trở lên cho địa phương và xã hội
<i>Phương thức quản lý</i>	Trực thuộc uỷ ban nhân dân cấp tỉnh. Với vị thế này, uỷ ban nhân dân tỉnh sắp xếp bộ máy quản trị nhà trường, bố trí đất đai, tài chính, quản lý sát sao.	Trực thuộc uỷ ban nhân dân cấp tỉnh. Có hội đồng trường. Bộ máy quản trị nhà trường chủ yếu do hội đồng trường sắp xếp. Sự can thiệp trực tiếp của uỷ ban nhân dân tỉnh giảm dần.
<i>Mô hình tổ chức đào tạo</i>	Trường đại học đa cấp, đa hệ, gắn chặt với địa phương	Trường đại học đa ngành, gắn với địa phương và địa bàn lân cận.
<i>Các trình độ đào tạo</i>	Từ đại học trở xuống: - Đại học; - Cao đẳng;	Từ đại học trở lên: - Đại học; - Thạc sĩ;

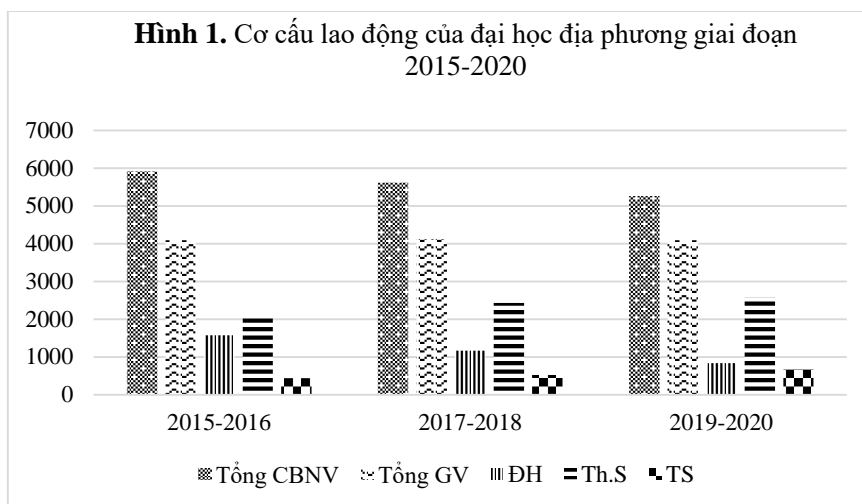
phương (thường được gọi là đại học 2 năm, chỉ cấp cao nhất đến “bằng” associate–bằng “liên kết”). Việc kết hợp chặt chẽ hệ thống các trường cao đẳng và các trường đại học trong đào tạo đại học đã dẫn đến thành công lớn của giáo dục đại học Hoa kỳ.

	<ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo giai đoạn I của đại học; - Các chương trình theo nhu cầu xã hội. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiến sĩ.
<i>Đầu tư</i>	Dựa vào các nguồn lực được huy động từ cộng đồng địa phương, trong giai đoạn đầu có thể phải kết hợp với một phần ngân sách nhà nước và viện trợ quốc tế.	Dựa vào ngân sách nhà nước, các khoản thu từ hoạt động sự nghiệp đào tạo và các khoản thu hợp pháp khác.

Sẽ là thiết thực cho việc hoàn thiện mô hình đại học địa phương khi tìm hiểu sâu hơn về một số vấn đề dưới đây:

Thứ nhất, về *phương thức quản lý*. Khái niệm đại học địa phương được sử dụng rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng, tài liệu khoa học và văn bản hành chính của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thuộc tính “địa phương” có gốc gác từ việc phân cấp quản lý sử dụng tài sản công của nhà nước. Trong các quyết định thành lập trường đại học địa phương đều quy định trường “trực thuộc uỷ ban nhân dân tỉnh”. Điều này đồng nghĩa với việc uỷ ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu toàn bộ tài sản nhà trường. Nó phù hợp với Luật quản lý sử dụng tài sản công (Luật số 15/2017/QH14).

Quản lý một trường đại học không giống như những đơn vị sản xuất kinh doanh, dịch vụ hoặc những đơn vị giáo dục phổ thông. Trường đại học luôn đòi hỏi đội ngũ lao động trình độ cao để “sản xuất” ra lực lượng lao động trình độ cao. Vì thế, ngoài việc nhanh chóng tổ chức lại một số đơn vị giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn, lãnh đạo tỉnh cử cán bộ có uy tín chính trị cao, vững vàng về chuyên môn tham gia lãnh đạo trực tiếp nhà trường; một số tỉnh có chính sách khuyến khích đội ngũ giảng viên học tập, nghiên cứu đạt trình độ sau đại học, thu hút người có trình độ cao về trường làm việc. Kết quả khảo sát 15 trường đại học địa phương giai đoạn 2015–2020 cho thấy: Tỷ lệ giảng viên trên tổng cán bộ nhân viên là 69,1% vào năm học 2015-2016, con số này là 77,7% vào năm học 2019-2020. Năm học 2019-2020 lực lượng giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên là 79,5%; riêng số giảng viên có trình độ tiến sĩ là 16,6% (xem Hình 1). Đội ngũ trí thức này chính là yếu tố căn bản để trường đại học địa phương đại học địa phương trở thành Trung tâm văn hoá – giáo dục – khoa học, dẫn dắt sự phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.



Ghi chú: CBNV: cán bộ nhân viên, GV: giảng viên, Th.S: thạc sĩ, TS: tiến sĩ

Yếu tố mới tác động vào phương thức quản lý đại học địa phương là quyền tự chủ đại học. Vài năm gần đây, vai trò của Hội đồng trường được đề cao. Điều 16 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học (Luật 34/2018/QH14) quy định hội đồng trường là tổ chức quản trị, thực hiện quyền đại diện của chủ sở hữu và các bên có lợi ích liên quan. Nói cách khác là chủ thể thực hiện quyền tài sản nhà trường.

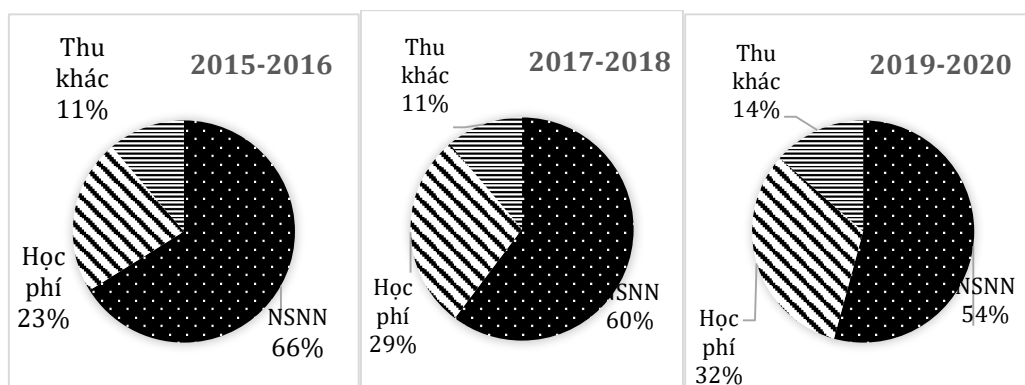
Như thế, quyền tài sản nhà trường không chỉ trong tay uỷ ban nhân dân cấp tỉnh mà còn trong tay hội đồng trường. Một luồng ý kiến đòi bỏ cơ quan chủ quản, một luồng khác không tán thành như vậy. Đối với các cơ sở giáo dục đại học địa phương, luồng ý kiến thứ hai xem ra nhận được nhiều sự đồng tình. Dường như những quy định về hội đồng trường của Luật số 34/2018/QH14 không thể là tấm áo khoác chung cho các loại hình trường. Nó khá thoải mái đối với trường đại học tư thục vì lợi nhuận, nhưng rất không ổn đối với các mô hình nhà trường công lập thuộc giáo dục đại học. Thiết nghĩ, trong điều kiện hiện nay của Việt Nam, đối với mô hình trường đại học địa phương, chưa nên đặt trọn vẹn “quyền tài sản nhà trường” vào tay hội đồng trường và không gì hơn là có sự góp mặt của lãnh đạo uỷ ban nhân dân tỉnh vào hội đồng trường. Đã từng có chủ tịch hoặc phó chủ tịch tỉnh tham gia lãnh đạo trực tiếp hội đồng trường và mang lại kết quả tốt. Ở Hoa Kỳ, Thống đốc bang bổ nhiệm Hội đồng trường đại học cộng đồng (community colleges). Có những nơi, Thống đốc bang, Chủ tịch Hạ viện Bang còn tham gia làm thành viên hội đồng trường [4]. Học tập mô hình đại học cộng đồng của Hoa Kỳ mà không để ý yếu tố này là đáng tiếc.

Thứ hai là về đầu tư cho đại học địa phương. Hai nhóm hoạt động đầu tư ở trường đại học là: (i) Phát triển cơ sở hạ tầng (bao gồm đất đai, phòng học, phòng thí nghiệm và trang thiết bị lâu bền); (ii) Bảo đảm hoạt động thường xuyên. Do các trường đại học địa phương được thành lập trên cơ sở những đơn vị giáo dục chuyên nghiệp nên nó được kế thừa đất đai, cơ sở vật chất của các đơn vị tiền thân. Tuy vậy, việc nâng cấp cơ sở vật chất và mở rộng khuôn viên luôn là nỗ lực của bất kỳ nhà trường đại học nào. Trong nhiều trường hợp, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng của đại học địa phương không chỉ bằng ngân sách địa phương mà còn được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước do trung ương quản lý. Những dự án kiểu này luôn mang lại sự đột phá tích cực. Có thể thấy những giá trị đó ở Dự án xây dựng dựng cơ sở hạ tầng

Trường Đại học Hồng Đức (tỉnh Thanh Hoá), Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng Trường Đại học Hùng Vương (tỉnh Phú Thọ).

Đặc điểm đầu tư cho đại học địa phương phản ánh rõ thông qua cơ cấu thu của nhà trường. Khảo sát 15 trường đại học địa phương giai đoạn 2015-2020 cho kết quả ở Hình 2.

Hình 2. Cơ cấu thu của đại học địa phương giai đoạn 2015-2020



Ghi chú: NSNN: ngân sách nhà nước

Hình 2 cho thấy: (i) tỷ lệ thu từ ngân sách nhà nước giảm dần, từ 66% năm học 2015-2016 xuống 54% năm học 2019-2020; (ii) tỷ lệ thu từ học phí tăng dần, từ 23% năm học 2015-2016 lên 32% năm học 2019-2020; và (iii) những khoản thu hợp pháp khác dao động trong khoảng 11% đến 14%.

Việc đầu tư cho đại học địa phương tùy thuộc vào nhiều yếu tố. Làm phép chia tổng ngân sách nhà nước cho quy mô sinh viên, ta thu được những kết quả rất đáng suy xét. Đối với các trường tổ chức đào tạo theo hướng đa ngành thì mức đầu tư từ ngân sách nhà nước/1 sinh viên/năm biến động trong khoảng từ 4,4 triệu đồng đến 21 triệu đồng. Con số này ở một trường tổ chức đào tạo theo hướng đơn ngành là từ 33,4 triệu đồng đến 91,5 triệu đồng. Quan sát theo vùng miền thì mức đầu tư từ ngân sách nhà nước/1 sinh viên/năm của các trường ở miền Bắc cao hơn khoảng hơn 2 lần so với miền Nam. Tại một tỉnh ở giữa Đồng bằng sông Cửu Long, con số đầu tư từ ngân sách nhà nước/1 sinh viên/năm chỉ từ 4 đến 5 triệu đồng, trong khi đó, tại một tỉnh ở miền Bắc, con số này ở mức 13 đến 21 triệu đồng. Sự quan tâm của lãnh đạo tỉnh và các sở ban ngành của tỉnh là nhân tố rất quan trọng.

Hiện nay, các trường đại học địa phương đang đối mặt với việc thực hiện Nghị định 60/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Theo đó, mỗi trường phải tính đủ chi phí đào tạo vào học phí, phải giảm chi thường xuyên hàng năm từ 5-15%. Trường đại học nào cũng trông chờ vào học phí. Có điều, việc này đang gặp không ít trở ngại, nổi trội là: (i) nguồn tuyển từ trình độ cao đẳng trở xuống bị triệt tiêu; (ii) cơ chế tuyển sinh không tính đến sự khác biệt về sứ mệnh của đại học địa phương với phần còn lại. Ẩn chứa sau những trở ngại trên là việc không thừa nhận phân tầng các cơ sở giáo dục đại học và định hướng tuyển sinh theo tầng; không thấu hiểu và sử dụng các cơ chế điều tiết dịch vụ công; chưa có

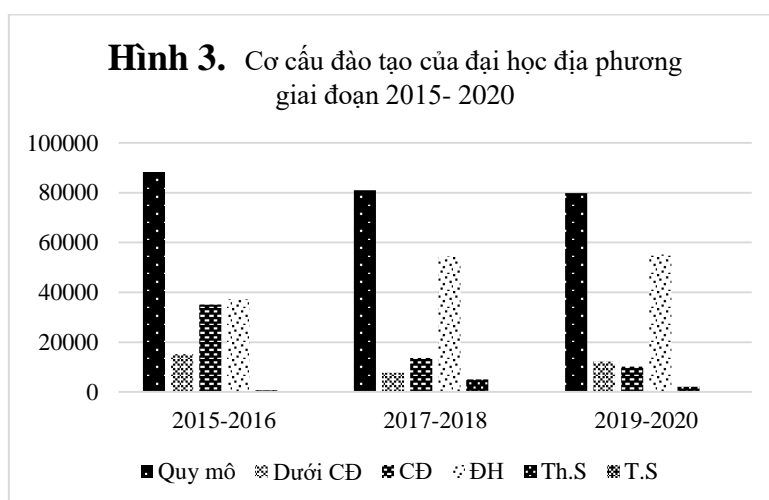
chính sách hỗ trợ người học là công dân địa phương; và dường như thị trường đang dẫn dắt học phí.

Thứ ba về hoạt động đào tạo. Có một sự đảo chiều khó tin. Đó là, ban đầu quy định đại học địa phương đào tạo từ đại học trở xuống, nay thì từ đại học trở lên. Quy định đào tạo “trình độ đại học và thấp hơn” chỉ có trong quyết định thành lập các trường đại học: Hồng Đức (1997), Hùng Vương (2003), và Hải Phòng (2004). Những trường đại học địa phương được thành lập sau đó, trình độ đào tạo phải theo Điều lệ trường đại học do Thủ tướng Chính phủ quyết định ban hành (lần lượt là Quyết định số 153 năm 2003, số 58 năm 2010, số 70 năm 2014). Tham chiếu các luật, nghị định hướng dẫn luật và Điều lệ trường đại học thì thấy các trình độ đào tạo của Bậc đại học là cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Không dừng ở đó, sự lúng túng trong cách tổ chức đào tạo nguồn nhân lực đã dẫn tới năm 2015, Bộ Giáo dục và Đào tạo ra Thông tư số 32 yêu cầu các trường đại học có tuyển sinh và đào tạo hệ cao đẳng giảm 20% chỉ tiêu mỗi năm, để đến năm 2020 không còn bậc học này trong trường đại học. Không đợi đến năm 2020, từ năm 2017 với quyền hạn quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội đã hơn một lần yêu cầu các cơ sở giáo dục đại học ngừng tuyển trình độ cao đẳng.

Thế là trường đại học địa phương cũng giống như các cơ sở giáo dục đại học khác, chỉ làm nhiệm vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên. Quy định này chối bỏ các giá trị thực tiễn và thông lệ quốc tế, làm thay đổi căn bản cấu trúc đào tạo của các nhà trường đại học.

Kết quả khảo sát cơ cấu đào tạo của 15 trường đại học địa phương được minh họa ở Hình 3. Đối sánh theo hai năm học 2015-2016 và 2019-2020 thì: trình độ cao đẳng giảm từ 39,9% xuống 12,8 %; trình độ đại học tăng từ 42,2% lên 69,2 %; trình độ thạc sĩ tăng từ 0,7% lên 2,6%; trình độ tiến sĩ tăng từ 0,01% lên 0,02%. Một thực tế là ý muốn của cơ quan quản lý vẫn không vượt qua cơ chế thị trường, các chương trình đào tạo khác (không thuộc Bậc đại học) vẫn giữ tỷ lệ khoảng 15,4% đến 17,2% ở các trường đại học địa phương.



Ghi chú: CD: cao đẳng, ĐH: đại học, Th.S: thạc sĩ, TS: tiến sĩ

Điều thú vị là một trường đại học ở miền núi (Trường Đại học Tân Trào), vào năm học 2015-2016 có quy mô đào tạo là 8.913, trong đó trình độ khác (không thuộc Bậc đại học) chiếm 26,4%; vào năm học 2019-2020 có quy mô đào tạo là 15.486, trong đó trình độ khác chiếm 58,1%. Trường đại học địa phương xuất thân từ trường cao đẳng, thậm chí gộp cả trường trung cấp lại, không cho chúng đào tạo các trình độ cao đẳng trở xuống là triệt tiêu thế mạnh của nó, đồng thời cản trở tiếp cận giáo dục đại học của không ít thanh thiếu niên chưa có cơ hội học tốt phổ thông từ đầu (chủ yếu là thanh thiếu niên ở vùng kinh tế chậm phát triển).

Những phân tích trên nhắc nhở chúng ta thường xuyên tiếp nhận phản hồi chính sách, phân tích tình hình thực hiện chính sách và làm mới nó.

4. Cần tái cấu trúc mô hình đại học địa phương

Chúng ta đang nỗ lực đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông; củng cố lại hệ thống trường sư phạm đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo; tập trung xây dựng hệ thống giáo dục nghề nghiệp với nhiều phương thức và trình độ đào tạo kỹ năng nghề nghiệp theo hướng ứng dụng, thực hành; đồng thời giảm đầu mỗi đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh theo tinh thần chỉ đạo của Đảng [5]. Tái cấu trúc mô hình đại học địa phương là một trong những lựa chọn hàng đầu cho những kỳ vọng trên.

Phù hợp với Luật Giáo dục 2019, Luật quản lý sử dụng tài sản công, đối tượng ưu tiên lựa chọn tái cấu trúc là các trường đại học địa phương, các trường cao đẳng sư phạm. Những chuyên đổi quan trọng, mà qua đó có thể đem lại những giá trị tích cực cho lựa chọn trên là:

Thứ nhất, các trường đại học địa phương không chỉ đào tạo trình độ đại học trở lên mà còn được khôi phục lại việc đào tạo các trình độ cao đẳng và thấp hơn, trong đó chú trọng nhiệm vụ đào tạo giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, mầm non.

Thứ hai, các trường cao đẳng sư phạm không chỉ làm nhiệm vụ đào tạo giáo viên mầm non mà còn được đào tạo trình độ cao đẳng và thấp hơn thuộc các lĩnh vực khác; thực hiện quy trình đào tạo giáo viên trình độ đại học theo cách kết hợp: 3 năm (tại trường cao đẳng sư phạm địa phương) + 1 năm (tại trường đại học sư phạm trọng điểm hoặc trường đại học địa phương có đào tạo giáo viên trình độ đại học)

Thứ ba, đã đến lúc phải có định mức chi phí đơn vị đào tạo theo đặc điểm kinh tế xã hội vùng miền. Dựa vào đó nhà trường thiết kế mức học phí theo nguyên tắc giáo dục đại học địa phương mang tính phúc lợi. Một gợi ý để tham khảo: mức học phí không quá 30% tổng chi phí đào tạo đối với ngành sư phạm, không quá 50% đối với các ngành khác; khoản thiếu hụt được ngân sách địa phương cấp bù. Người theo học ngành sư phạm được vay tín dụng ngang mức học phí mà không phải thế chấp; sau khi tốt nghiệp, chứng minh được có nơi nhận việc thì giáo viên đó được Nhà nước hỗ trợ khoản tiền học phí.

Thứ tư, ưu tiên đầu tư nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên ở các trường đại học địa phương, cao đẳng sư phạm, trọng tâm đặt vào khuyến khích tài năng nghiên cứu và giảng dạy, đổi mới phương pháp dạy và học; đầu tư cho cơ sở hạ tầng để mỗi đại học địa phương xứng tầm trung tâm văn hoá khoa học số một của tỉnh; mỗi cao

đẳng sư phạm là hạt nhân để hình thành trường đại học địa phương nếu tỉnh đó chưa có cơ sở giáo dục đại học công lập.

Thứ năm, thừa nhận tính đa dạng về sứ mệnh của các cơ sở giáo dục đại học và thực hiện phân tầng. Các trường đại học địa phương và cao đẳng sư phạm thuộc tầng dưới, có sứ mệnh, có tiêu chí và được định vị trong luật, trong chiến lược và mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học.

5. Kết luận

Mô hình đại học trực thuộc uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, sử dụng ngân sách địa phương, đào tạo các trình độ từ đại học trở xuống đã ra đời từ năm 1997 là nhân tố mới, được các địa phương hồ hởi đón nhận. Trong khi những cơ chế chính sách riêng về đầu tư cho đại học địa phương chưa hình thành thì nó phải đối mặt với những rào cản mới không thể xem thường, điển hình là việc chuyển từ đào tạo các trình độ đại học trở xuống sang đào tạo các trình độ đại học trở lên, việc có thêm hội đồng trường - tổ chức quản trị, thực hiện quyền đại diện của chủ sở hữu khiến quyền tài sản nhà trường bị chia sẻ. Hiện nay, cách tổ chức đào tạo và quản trị đối với trường đại học địa phương giống như các cơ sở giáo dục đại học công lập khác (đại học quốc gia, đại học vùng, các trường đại học truyền thống), trong khi nó được đầu tư từ ngân sách ít ỏi của địa phương, và phần lớn chúng toạ lạc ở những địa bàn kinh tế-xã hội kém phát triển. Điều này khiến mô hình đại học địa phương không thể thực hiện sứ mệnh của nó.

Chúng ta đang nỗ lực đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông; tìm kiếm những phương thức và trình độ đào tạo kỹ năng nghề nghiệp theo hướng ứng dụng, thực hành; giải bài toán giáo viên bỏ việc hàng loạt và tình trạng thừa thiếu giáo viên; đồng thời phải giảm đầu mỗi đơn vị sự nghiệp công lập. Lúc này, tốt hơn cả là làm mới hệ thống đại học cộng đồng (như cách gọi ban đầu), nói khác đi là tái cấu trúc mô hình này. Đây là lựa chọn tốt để đáp ứng những kỳ vọng trên ./.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (1996), *Tờ trình số 8195/ĐH ngày 4/10/1996 về việc xin chủ trương xây dựng hệ thống Đại học cộng đồng*.
- [2] Văn phòng Chính phủ (1997), *Thông báo số 30/TB ngày 24/3/1997 về nội dung làm việc của Thủ tướng Võ Văn Kiệt và Phó Thủ tướng Nguyễn Khánh làm việc với Bộ Giáo dục và Đào tạo*.
- [3] Trường Đại học Hùng Vương (2021), *Kỷ yếu hội thảo khoa học, Vai trò của các trường đại học địa phương đối với sự phát triển kinh tế – xã hội vùng*, NXB Lao động
- [4] Trần Đức Cảnh (2019), *Mô hình quản lý giáo dục đại học Hoa Kỳ*, Báo Giáo dục và Thời đại ngày 12/6/2019.
- [5] Ban Chấp hành Trung ương (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*;
- [6] Ban Chấp hành Trung ương (2017), *Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*.